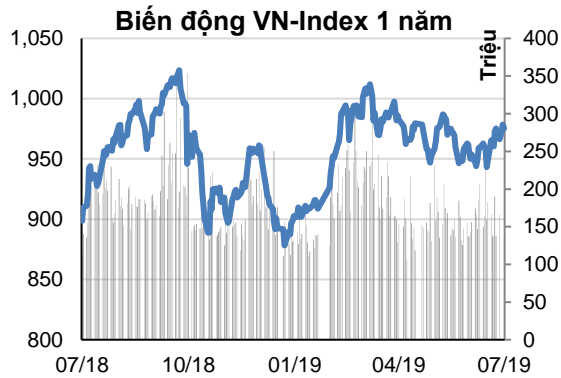


Biến động thị trường

| | 12/07 | 1T (%) | 3T (%) |
|---------------------|--------|-----------|--------|
| VN Index | 975.40 | 2.2% | -0.8% |
| GTGD | 3,443 | (Tỷ đồng) | |
| Khối ngoại mua ròng | 332 | (Tỷ đồng) | |

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Nguồn: Bloomberg

Trái phiếu và Hàng hóa

| | 12/07 | 1T | 3T |
|----------------------|--------|--------|--------|
| Lãi suất TPCP 1 năm | 3.083% | 3.253% | 3.447% |
| Lãi suất TPCP 3 năm | 3.410% | 3.633% | 3.698% |
| Lãi suất TPCP 10 năm | 4.600% | 4.703% | 4.800% |
| Dầu WTI (USD/thùng) | 60.4 | 51.14 | 63.89 |
| Vàng (USD/oz) | 1,406 | 1,334 | 1,290 |



Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585
(Ext: 1464)
hieut.ttm@kisvn.vn
www.kisvn.vn



Hoàng Huy

(+84 28) 3914 8585
(Ext: 1450)
huy.hoang@kisvn.vn
www.kisvn.vn

Nhà đầu tư nước ngoài mua nhiều nhất trong 2 tháng

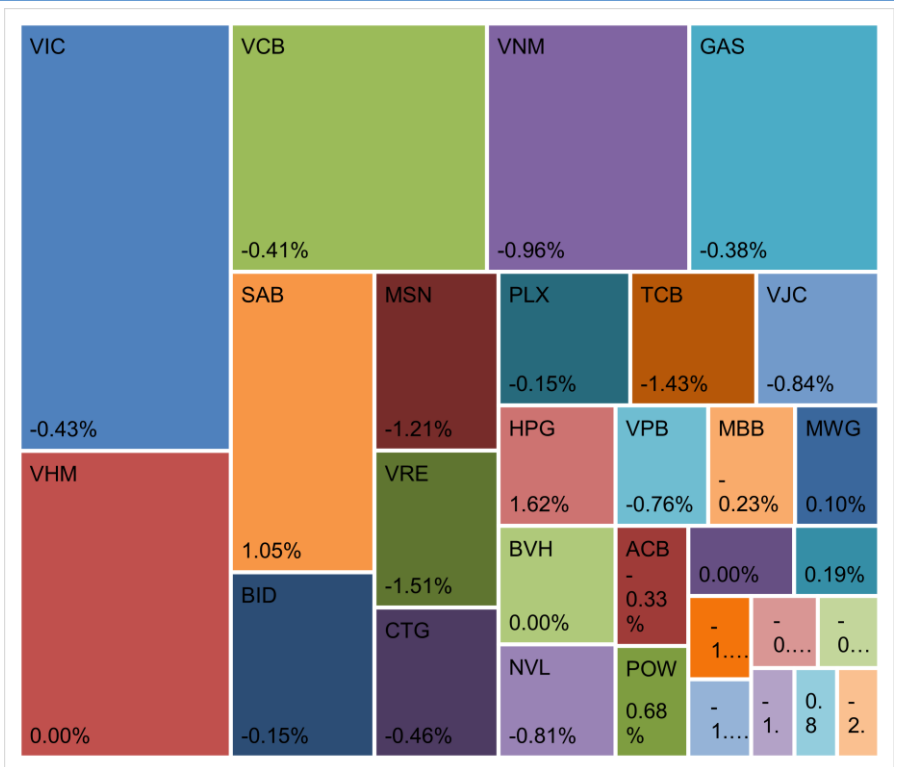
Thị trường chứng khoán Việt Nam giảm điểm phiên thứ Sáu và đóng cửa tuần trước gần như không đổi so với tuần trước đó. Trong phiên thứ Sáu, VNIndex giảm 0.33% còn 975.40 điểm và HNXIndex giảm 0.15% còn 105.86 điểm. Giá trị giao dịch gần như không biến động lớn trong suốt tuần.

Khối ngoại mua ròng trên sàn HSX phiên thứ 7 liên tiếp, với giá trị 332 tỷ đồng, mức cao nhất trong 2 tháng qua. Nhóm này tập trung vào PLX, VCB, VRE, BMP và CTD trong khi bán MSN, VNM và VHM.

HPG, PNJ và MWG giúp nhóm Vật liệu và Tiêu dùng không thiết yếu tăng điểm. Trong khi đó, Bất động sản với VIC, VRE và NVL và Tài chính với hầu hết ngân hàng trừ HDB đóng góp nhiều vào phiên giảm điểm của thị trường chung.

Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hồi phục tuần này, hướng về mốc kháng cự 990-1,000 điểm.

Bản đồ giao dịch



Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

| | | Tăng / Giảm | Tăng / Giảm (%) | Thống kê tăng/giảm | |
|----------------------|---------------|-------------|-----------------|--------------------|-----|
| VN-Index | 975.40 | -3.23 | -0.3% | SL CP tăng giá | 118 |
| KLGD ('000 cổ phiếu) | 157,306 | -3,950 | -2.4% | SL CP giảm giá | 170 |
| GTGD (tỷ VND) | 3,443 | 144 | 4.4% | SL CP không đổi | 92 |

Top 5 cổ phiếu Leader

| Mã CP | Giá | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|---------|------------|----------------|
| | VND | VND | Điểm |
| SAB | 289,000 | 3,000 | 0.57 |
| HPG | 21,900 | 350 | 0.29 |
| HVN | 43,900 | 200 | 0.08 |
| POW | 14,900 | 100 | 0.07 |
| CTD | 110,800 | 2,300 | 0.05 |

Top 5 cổ phiếu Laggard

| Mã CP | Giá | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|---------|------------|----------------|
| | VND | VND | Điểm |
| VNM | 124,000 | -1,200 | -0.619 |
| VIC | 116,000 | -500 | -0.495 |
| VRE | 35,900 | -550 | -0.379 |
| MSN | 81,500 | -1,000 | -0.344 |
| VCB | 73,700 | -300 | -0.329 |

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

| Mã CP | Giá | KLGD | GTGD |
|-------|---------|----------|---------|
| | VND | triệu cp | tỷ đồng |
| ROS | 28,500 | 13.89 | 398.3 |
| PLX | 64,500 | 3.47 | 224.1 |
| MBB | 21,350 | 5.29 | 114.2 |
| VJC | 130,200 | 0.60 | 79.1 |
| CTG | 21,450 | 3.42 | 73.7 |

Top 5 Ngành Tăng

| Ngành | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------------|------------|----------------|
| | % | Điểm |
| Nguyên vật liệu | 0.7% | 0.21 |
| CNTT | 0.2% | 0.02 |
| Khác | 0.2% | 0.01 |
| TD không thiết yếu | 0.1% | 0.04 |

Top 5 Ngành Giảm

| Ngành | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------|------------|----------------|
| | % | Điểm |
| Y Tế | -0.7% | -0.06 |
| Tài chính | -0.4% | -1.08 |
| Bất động sản | -0.4% | -1.18 |
| Công nghiệp | -0.4% | -0.36 |
| TD thiết yếu | -0.3% | -0.53 |

SÀN GIAO DỊCH HNX

| | | Tăng / Giảm | Tăng / Giảm (%) | Thống kê tăng/giảm | |
|----------------------|---------------|-------------|-----------------|--------------------|-----|
| HNX-Index | 105.86 | -0.16 | -0.2% | SL CP tăng giá | 89 |
| KLGD ('000 cổ phiếu) | 28,996 | 1,690 | 6.2% | SL CP giảm giá | 84 |
| GTGD (tỷ VND) | 430 | 33 | 8.4% | SL CP không đổi | 192 |

Top 5 cổ phiếu Leader

| Mã CP | Giá | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
| | VND | VND | Điểm |
| VCS | 74,400 | 5,400 | 0.18 |
| PGS | 35,000 | 2,000 | 0.07 |
| CEO | 10,700 | 300 | 0.05 |
| HUT | 2,600 | 200 | 0.04 |
| PVC | 7,800 | 700 | 0.02 |

Top 5 cổ phiếu Laggard

| Mã CP | Giá | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|-------|--------|------------|----------------|
| | VND | VND | Điểm |
| ACB | 30,100 | -100 | -0.13 |
| SHB | 6,700 | -100 | -0.11 |
| PVS | 23,800 | -300 | -0.08 |
| SHN | 8,500 | -500 | -0.06 |
| NVB | 8,000 | -100 | -0.03 |

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

| Mã CP | Giá | KLGD | GTGD |
|-------|--------|----------|---------|
| | VND | triệu cp | tỷ đồng |
| PVS | 23,800 | 3.70 | 88.7 |
| VCS | 74,400 | 0.95 | 68.7 |
| TNG | 20,900 | 1.45 | 30.8 |
| ACB | 30,100 | 0.89 | 26.8 |
| VCG | 25,900 | 0.79 | 20.5 |

Top 5 Ngành Tăng

| Ngành | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|------------------|------------|----------------|
| | % | Điểm |
| Nguyên vật liệu | 4.3% | 0.16 |
| Dịch vụ tiện ích | 0.6% | 0.00 |
| Bất động sản | 0.1% | 0.03 |

Top 5 Ngành Giảm

| Ngành | Tăng/ Giảm | Tác động Index |
|--------------------|------------|----------------|
| | % | Điểm |
| Khác | -3.9% | -0.01 |
| TD không thiết yếu | -1.3% | -3.3% |
| CNTT | -0.7% | 0.3% |
| Y Tế | -0.5% | -1.0% |
| Tài chính | -0.3% | -31.6% |

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua | GT bán | Mua ròng |
|-------|--------|---------|---------|----------|
| | VND | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng |
| PLX | 64,500 | 188.1 | 0.0 | 188.1 |
| VCB | 73,700 | 39.2 | 6.6 | 32.6 |
| VRE | 35,900 | 32.4 | 8.1 | 24.3 |
| BMP | 48,300 | 22.5 | 0.1 | 22.4 |
| CTG | 21,450 | 22.3 | 0.3 | 22.0 |

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua | GT bán | Mua ròng |
|-------|---------|---------|---------|----------|
| | VND | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng |
| MSN | 81,500 | 11.2 | 30.7 | -19.5 |
| VNM | 124,000 | 4.6 | 21.9 | -17.3 |
| VHM | 83,100 | 24.5 | 39.1 | -14.6 |
| KDH | 22,800 | 0.0 | 4.7 | -4.7 |
| HAX | 19,200 | 0.0 | 4.7 | -4.7 |

HNX

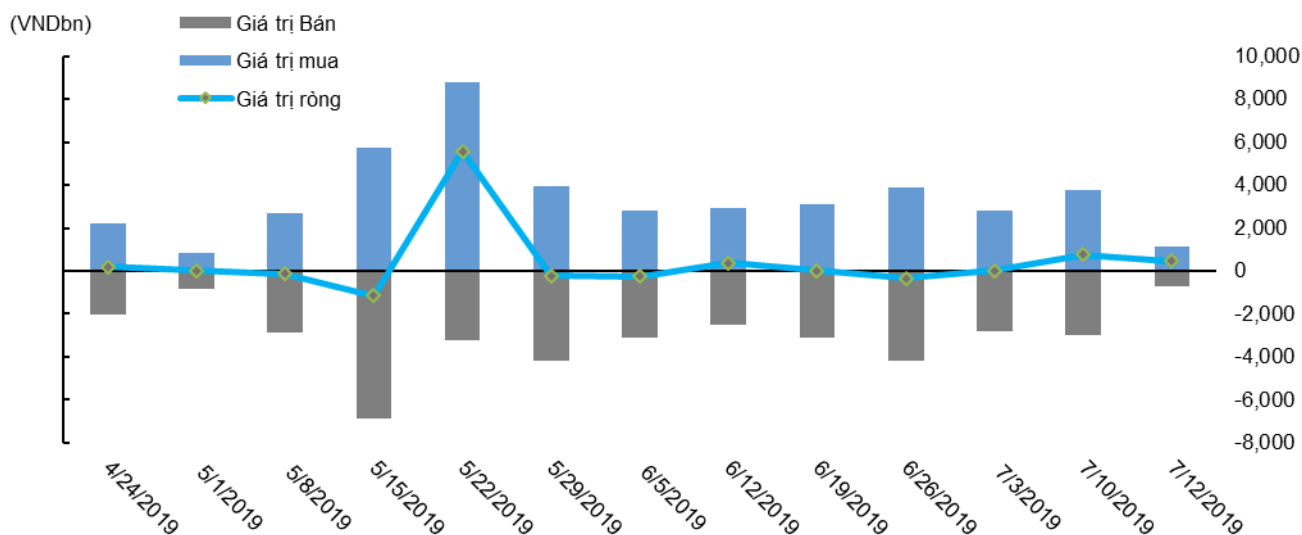
Top 5 CP nước ngoài mua ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua | GT bán | Mua ròng |
|-------|--------|---------|---------|----------|
| | VND | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng |
| VCS | 74,400 | 9.5 | 0.0 | 9.5 |
| DGC | 31,200 | 1.2 | 0.0 | 1.2 |
| PVI | 37,000 | 0.9 | 0.0 | 0.9 |
| TNG | 20,900 | 0.6 | 0.0 | 0.6 |
| AMV | 27,500 | 0.4 | 0.0 | 0.4 |

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

| Mã CP | Giá CP | GT mua | GT bán | Mua ròng |
|-------|---------|---------|---------|----------|
| | VND | Tỷ đồng | Tỷ đồng | Tỷ đồng |
| PVS | 23,800 | 18.3 | 28.3 | -10.0 |
| SHS | 9,600 | 0.1 | 1.1 | -1.0 |
| WCS | 160,800 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| BTW | 19,500 | 0.0 | 0.5 | -0.5 |
| WCS | 160,800 | 0.0 | 0.0 | 0.0 |

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Lịch sự kiện

| Ngày GDKHQ | Ngày thực hiện | Mã | Sàn | Nội dung sự kiện |
|------------|----------------|-----|-------|---|
| 15/07/2019 | 08/08/2019 | ACC | HSX | Chi trả cổ tức năm 2018 (1,800đ/cp) |
| 15/07/2019 | 30/07/2019 | CKV | HNX | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,000đ/cp) |
| 15/07/2019 | 25/07/2019 | DHT | HNX | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp) |
| 15/07/2019 | 29/07/2019 | EMG | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,500đ/cp) |
| 15/07/2019 | 16/08/2019 | FCN | HSX | Chi trả cổ tức năm 2018 (500đ/cp) |
| 15/07/2019 | 20/08/2019 | FT1 | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (3,200đ/cp) |
| 15/07/2019 | 15/07/2019 | KOS | Upcom | Hủy ĐKGD cổ phiếu |
| 15/07/2019 | 15/07/2019 | ORS | Upcom | Giao dịch 16,000,000 cổ phiếu niêm yết bổ sung |
| 15/07/2019 | 26/07/2019 | TSG | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,150đ/cp) |
| 15/07/2019 | 24/07/2019 | VNE | HSX | Chi trả cổ tức còn lại năm 2018 (400đ/cp) |
| 16/07/2019 | 16/07/2019 | BMF | Upcom | Giao dịch 2,079,800 cổ phiếu niêm yết bổ sung |
| 16/07/2019 | 15/08/2019 | LM8 | HSX | Chi trả cổ tức năm 2018 (1,000đ/cp) |
| 16/07/2019 | 16/07/2019 | QNS | Upcom | Giao dịch 5,851,492 cổ phiếu niêm yết bổ sung |
| 17/07/2019 | 17/07/2019 | BM9 | Upcom | Giao dịch 3,795,680 cổ phiếu đăng ký giao dịch |
| 17/07/2019 | 06/08/2019 | DFC | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (3,300đ/cp) |
| 17/07/2019 | 02/08/2019 | PGS | HNX | Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp) |
| 17/07/2019 | 17/07/2019 | PMW | Upcom | Giao dịch 30,000,000 cổ phiếu đăng ký giao dịch |
| 17/07/2019 | 19/08/2019 | VGC | HSX | Chi trả cổ tức năm 2018 (1,000đ/cp) |
| 17/07/2019 | 08/08/2019 | VPS | HSX | Chi trả cổ tức còn lại năm 2018 (600đ/cp) |
| 18/07/2019 | 06/08/2019 | IRC | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (286đ/cp) |
| 18/07/2019 | 19/08/2019 | NNT | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp) |
| 18/07/2019 | 31/07/2019 | PDN | HSX | Trả cổ tức đợt cuối năm 2018 (2,500đ/cp), thưởng cp (tỷ lệ 2:1) |
| 18/07/2019 | 09/08/2019 | UPH | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp) |
| 18/07/2019 | 13/08/2019 | VLP | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp) |
| 18/07/2019 | 18/07/2019 | XMC | Upcom | Giao dịch 2,749,134 cổ phiếu niêm yết bổ sung |
| 19/07/2019 | 19/07/2019 | DHC | HSX | Trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 5:1) |
| 19/07/2019 | 19/07/2019 | HGM | HNX | ĐHĐCĐ bất thường 2019 |
| 19/07/2019 | 19/07/2019 | HGW | Upcom | ĐHĐCĐ bất thường 2019 |
| 19/07/2019 | 08/08/2019 | ICN | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,500đ/cp) |
| 19/07/2019 | 09/08/2019 | IN4 | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (4,000đ/cp) |
| 19/07/2019 | 14/08/2019 | MTV | Upcom | Trả cổ tức bằng tiền mặt (200đ/cp) |
| 19/07/2019 | 12/08/2019 | VSH | HSX | ĐHĐCĐ bất thường 2019 |

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

Phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng Môi Giới Khách hàng Tổ chức

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.